I. Định nghĩa:

Mảng là một tập hợp tuần tự các phần tử có **cùng kiểu dữ liệu** và các phần tử được lưu trữ trong một dãy các **ô nhớ liên tục trên bộ nhớ**. Các phần tử của mảng được truy cập bằng cách **sử dụng "chỉ số".** Mảng có kích thước N sẽ có chỉ số từ **0 tới N – 1**.

Ví dụ: mảng có 9 phần tử:

arr	-2153	738	0	963	7283	6	-8	12	3847
Index	0	1	2	3	4	5	6	7	8

 Nếu muốn tìm tới phần tử 6 bạn phải gọi phần tử thứ 5 của mảng hoặc nếu bạn muốn tìm đến phần tử -2153 bạn phải gọi phần tử thứ 0.

II. Khai báo mảng một chiều.

type name[size];

size: kích thước của mảng, việc này xác định số lượng phần tử có thể được lưu trữ trong mảng.

type: kiểu dữ liệu của mảng, việc này chỉ định kiểu dữ liệu của các phần tử trong mảng; là số nguyên, số thực, ký tự hay là kiểu dữ liệu nào đó.

Name: tên mảng do người lập trình đặt.

III. Khởi tạo mảng.

type arr[size] = {elements};

```
Ví dụ 1: int a[5] = {88, 5, -8, 12, 4};

Ví dụ 2:

int a[8];

a[0] = 12;

a[55] = -24;
```

IV. Các thao tác với mảng một chiều

```
1 #include <stdio.h>
3pint main(){
      int a[100] = \{3, 6, -7, 9, 32, 24\};
5
6∮
      for(int i=0;i<=10;++i){
          printf("%d ",a[i]);
```

1. Nhập, xuất mảng 1 chiều a. Viết trong hàm main

```
13 pint main(){
         int a[100],n;
14
         scanf("%d",&n);
15
         for(int i=0;i<n;++i){</pre>
16 \( \daggerightarrow{16} \)
               scanf("%d",&a[i]);
17
18
19 ∮
         for(int i=0;i<n;++i){</pre>
               printf("%d ",a[i]);
20
21
22
```

b. Viết hàm rời

```
26 p void nhap(int a[],int n){
        for(int i=0;i<n;++i){</pre>
27 申
             scanf("%d",&a[i]);
28
29
30 L }
31
32 proid xuat(int a[], int n){
        for(int i=0;i<n;++i){</pre>
33 申
             printf("%d ",a[i]);
34
35
36 L }
```

```
37
38 int main(){
39    int a[100],n;
40    scanf("%d",&n);
41
42    nhap(a,n);
43    xuat(a,n);
44 }
```

- . Các bài tập làm quen với mảng
 - 1. Tính tổng các phần tử trong mảng

```
56 p void nhap(int a[],int n){
57 申
         for(int i=0;i<n;++i){</pre>
             scanf("%d",&a[i]);
58
59
60
61
62 pint tong(int a[],int n){
63
         int s=0;
        for(int i=0;i<n;++i){</pre>
64 □
             s += a[i];
65
66
67
         return s;
68 L 1
```

```
int main(){
    int a[100],n;
    scanf("%d",&n);

nhap(a,n);
printf("%d",tong(a,n));
}
```

```
2. In ra các phần tử là số nguyên tố trong mảng
89 proid nhap(int a[],int n){
90日
         for(int i=0;i<n;++i){
              scanf("%d",&a[i]);
91
92
94
95 □ int snt(int n){
         for(int i=2;i*i<=n;++i){
96 🗦
              if(!(n%i)) return 0;
97
98
99
         return n>1;
100
101
```

```
101
l02 □ void in(int a[],int n){
L03 🖨
          for(int i=0;i<n;++i){
              if(snt(a[i])) printf("%d ",a[i]);
L04
L05
106
L07 □ int main(){
108
          int a[100],n;
109
          scanf("%d",&n);
110
111
         nhap(a,n);
112
         in(a,n);
l13 <sup>L</sup> }
```

3. In phần ra các phần tử không vượt quá x (x nhập từ bàn phím)

```
136 int main(){
137     int a[100],n,x;
138     scanf("%d%d",&n,&x);
139
140     nhap(a,n);
141     in(a,n,x);
142 }
```

4. Tìm phần tử lớn nhất trong mảng

```
160 int main(){
    int a[100],n;
    scanf("%d",&n);
163
164
165
165
166 }

nhap(a,n);
printf("%d",max(a,n));
166 }
```

```
153 int max(int a[],int n){
154          int max = a[0];
155          for(int i=1;i<n;++i){
156                if(a[i]>max) max = a[i];
157          }
158          return max;
159 }
```

```
5. Đếm số lần xuất hiện của x trong mảng
```

```
180 int dem(int a[],int n,int x){
181     int count = 0;
182     for(int i=0;i<n;++i){
183         if(a[i]==x) ++count;
184     }
185     return count;
186  }
187</pre>
```

```
187
188 int main(){
189     int a[100],n,x;
190     scanf("%d%d",&n,&x);
191
192     nhap(a,n);
193     printf("%d",dem(a,n,x));
194 }
```